

individual/organisation executing the transaction (in case the trader is an affiliated person of internal person of the public company/public fund):

- Họ và tên người nội bộ/Name of internal person:

- Quốc tịch/Nationality:

- Số CMND, Hộ chiếu, Thẻ căn cước/ID card/Passport No.:

- Địa chỉ thường trú/Permanent address:

- Điện thoại liên hệ/Telephone:

Fax:

Email:

- Chức vụ tại công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ tại ngày cá nhân/tổ chức nêu tại mục 1 đăng ký giao dịch/Position in the public company, the fund management company on the date when individual/organisation mentioned in item 1 registers the transaction:

- Chức vụ hiện nay tại công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ/Current position in the public company, the fund management company:

- Mối quan hệ giữa cá nhân/tổ chức thực hiện giao dịch với người nội bộ/ Relationship of individual/organisation executing transaction with internal person:

- Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ mà người nội bộ đang nắm giữ (nếu có)/Number, ownership percentage of shares/fund certificates held by the internal person (if any):

3. Mã chứng khoán giao dịch/Securities code: **GEG**

4. Các tài khoản giao dịch có cổ phiếu/chứng chỉ quỹ nêu tại mục 3 / Trading accounts having shares/fund certificates mentioned at item 3 above:.....tại công ty chứng khoán/In the securities company:

5. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ nắm giữ trước khi giao dịch trái phiếu chuyển đổi; quyền mua cổ phiếu/chứng chỉ quỹ, quyền mua trái phiếu chuyển đổi /Number, ownership percentage of shares/fund certificates held before the trading of convertible bonds, rights to buy shares/fund certificates, rights to buy convertible bonds: **30.466 cổ phiếu (chưa bao gồm cổ tức bằng cổ phiếu và quyền mua cổ phiếu phát hành cho cổ đông hiện hữu)**

6. Số lượng trái phiếu chuyển đổi trước giao dịch (trong trường hợp giao dịch trái phiếu chuyển đổi hoặc quyền mua trái phiếu chuyển đổi/Number of convertible bonds before the transaction (in case of trading convertible bonds or rights to buy convertible bonds):

7. Số lượng quyền mua cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/trái phiếu chuyển đổi trước giao dịch/ Number of rights to buy shares/ fund certificates/ convertible bonds before the transaction: **1.827 cổ phiếu**

8. Tỷ lệ thực hiện quyền mua hoặc tỷ lệ chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu/Percentage of executing the rights to purchase or convert bonds into shares: **thực hiện quyền mua cổ phần phát hành thêm tỷ lệ 100:6 theo NQ số 33/2021/NQ-HĐQT ngày 10/8/2021 và Giấy Chứng Đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng số 131/GCN-UBCK ngày 9/8/2021.**

9. Số lượng quyền mua (đối với giao dịch quyền mua) hoặc số lượng trái phiếu chuyển đổi (đối với giao dịch trái phiếu chuyển đổi) đăng ký mua/bán/cho/được cho/tặng/được tặng/thừa kế/chuyển nhượng/nhận chuyển nhượng/Number of rights to buy (for the transaction of rights to buy) or number of convertible bonds (for the transaction of convertible bonds) registered to purchase/sell/present/be presented/ donate/be donated/inherit/transfer/be transferred:

- Loại giao dịch đăng ký thực hiện (mua/bán/cho/được cho/tặng/được tặng/thừa kế/chuyển nhượng/nhận chuyển nhượng)/ Type of transaction registered (to purchase/sell/present/be presented/donate/be donated/inherit/transfer/be transferred): **Thực hiện quyền mua**

- Số lượng quyền mua (đối với giao dịch quyền mua) hoặc số lượng trái phiếu chuyển đổi (đối với giao dịch trái phiếu chuyển đổi) đăng ký thực hiện/Number of registered rights to buy (for the transaction of rights to buy) or number of convertible bonds for the transaction of convertible bonds): **1.827 cổ phiếu**

10. Số lượng quyền mua (đối với giao dịch quyền mua) hoặc số lượng trái phiếu chuyển đổi (đối với giao dịch trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu) đã mua/bán/cho/được cho/tặng/được tặng/thừa kế/chuyển nhượng/nhận chuyển nhượng/Number of traded rights to buy for the transaction of rights to buy) or number of convertible bonds for the transaction of convertible bonds) to purchase/sell/present/be presented/donate/be donated/inherit/transfer/be transferred:

- Loại giao dịch đã thực hiện (mua/bán/cho/được cho/tặng/được tặng/thừa kế/chuyển nhượng/nhận chuyển nhượng)/Type of transaction executed (to purchase/sell/present/be presented/donate/be donated/inherit/transfer/be transferred): **Thực hiện quyền mua**

- Số lượng quyền mua (đối với giao dịch quyền mua) hoặc số lượng trái phiếu chuyển đổi (đối với giao dịch trái phiếu chuyển đổi) đã thực hiện/ Number of executed rights to buy for the transaction of rights to buy) or number of convertible bonds for the transaction of convertible bonds): **1.827 cổ phiếu**

11. Giá trị đã giao dịch (tính theo mệnh giá hoặc giá phát hành)/The value of executed transaction (calculated based on par value or issuing price): **18.270.000 đồng**

12. Số lượng cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/trái phiếu chuyển đổi dự kiến nắm giữ sau khi thực hiện quyền mua hoặc số lượng cổ phiếu dự kiến nắm giữ sau khi chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu/ Number of shares/fund certificates convertible bonds expected to hold after exercising the right to buy or number of shares expected to hold after converting bonds into shares: **32.293 cổ phiếu (chưa bao gồm cổ tức bằng cổ phiếu sắp nhận 1.219 cổ phiếu)**

13. Phương thức giao dịch/Method of transaction: **Nộp tiền mua cổ phiếu phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu.**

14. Thời gian thực hiện giao dịch/Trading time: từ ngày/from **14/09/2021** đến ngày/to **20/9/2021**

15. Lý do không hoàn tất giao dịch (trường hợp không thực hiện hết số lượng đăng ký)/The reason for not completing the transaction (in case all of the registered amount not being executed):

Trường hợp báo cáo kết quả giao dịch chuyển nhượng quyền cần gửi kèm tài liệu xác nhận giá trị giao dịch chuyển nhượng quyền/In case of reporting the result of right transfer, documents certifying the value of right transfer shall have to be attached.

Nơi nhận:
Recipients:

- ...;
- Lưu: VT,
- Archived: ...

**CÁ NHÂN/TỔ CHỨC BÁO CÁO/ NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG
BỐ THÔNG TIN**

**REPORTING ORGANISATION /INDIVIDUAL/PERSONS
AUTHORIZED TO DISCLOSE INFORMATION**

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu - nếu có)
(Signature, full name and seal -if any)



TÂN XUÂN HIẾN